

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM GIÀNG  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/DS-ST  
Ngày: 06/9/2024.  
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, HẢI DƯƠNG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Văn và bà Lê Thị Thao.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên tòa:** Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 33/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2024 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số 163, tổ 48 cụm dân cư số 7, phường NK, quận BD, thành phố Hà Nội.

2. **Bị đơn:** Ông Vũ Văn T, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982.

Đều có địa chỉ: Thôn PA, xã CA, huyện CG, tỉnh HD.

(Tại phiên tòa: có mặt nguyên đơn bà T, bị đơn ông T, bà H).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và vợ chồng ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị H không có quan hệ họ hàng mà chỉ quen biết nhau ngoài xã hội. Khi vợ chồng ông T, bà H hỏi vay

tiền để làm ăn kinh doanh lâm sản thì bà đồng ý, do là chỗ quen biết tin tưởng nhau nên khi cho nhau vay tiền thì bà không yêu cầu ông T, bà H phải dùng bất cứ tài sản gì để bảo đảm cho khoản vay trên. Nguồn tiền cho vay là của riêng bà không liên quan đến ai khác. Bà cho ông T, bà H vay làm 03 lần đều vay bằng tiền mặt với tổng số tiền 2.200.000.000đồng cụ thể: Ngày 01/4/2016, tại gia đình bà có cho vợ chồng ông T, bà H vay số tiền 1.000.000.000đồng. Ngày 10/5/2016, tại gia đình bà có cho vợ chồng ông T, bà H vay số tiền 700.000.000đồng. Ngày 19/01/2017, tại gia đình bà có cho vợ chồng ông T, bà H vay số tiền 500.000.000đồng. Quá trình mỗi lần vay tiền bà đã giao đủ số tiền vay cho ông T, bà H, đồng thời bà đều yêu cầu vợ chồng ông T, bà H trực tiếp viết giấy biên nhận cho bà. Nội dung trong Giấy biên nhận thể hiện số tiền vay, không thể hiện thời hạn trả, không thể hiện lãi suất nhưng hai bên thống nhất thỏa thuận với nhau bằng lời nói với mức lãi 11%/năm (mức lãi suất này là lãi suất Ngân hàng tại thời điểm cho vay theo năm có quy ra ngày là 01 năm bằng 365 ngày). Đối với thời hạn vay, các bên thỏa thuận khi nào bà cần tiền sẽ phải báo trước 07 ngày cho vợ chồng ông T, bà H biết. Việc thiết lập giấy vay tiền được thực hiện tại gia đình bà ở khu 17, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (địa chỉ này trước đây gia đình bà sinh sống, cư trú). Khi giao nhận tiền và viết giấy biên nhận vay tiền chỉ có bà và vợ chồng ông T, bà H, ngoài ra không có ai chứng kiến việc các bên cho nhau vay tiền. Việc thiết lập Giấy biên nhận hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc. Mọi chữ ký, chữ viết đều của ông T, bà H viết, ký trên tinh thần minh mẫn tỉnh táo. Quá trình thực hiện hợp đồng ông T, bà H mới trả cho bà được số tiền lãi là 150.000.000đồng cho khoản tiền vay vào ngày 01/4/2016 và khoản vay ngày 10/5/2016 (tính theo mức lãi 11%/năm). Tuy nhiên từ tháng 02 năm 2017 đến nay vợ chồng ông T, bà H không trả nợ cho bà như đã cam kết, sau khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ nhiều lần bà đôn đốc, nhắc nhở và thông báo cho gia đình ông T, bà H về việc trả nợ nhưng ông T, bà H tìm mọi lý do trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Do đó, bà khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị H phải trả tiền gốc đã vay và tính lãi theo mức lãi suất là 10%/năm kể từ thời điểm tháng 02 năm 2017 đến nay ông T bà H chưa thanh toán lãi cho bà. Bà yêu cầu ông T bà H phải trả một lần số tiền tạm tính đến ngày xét xử 06/9/2024 với tổng số tiền là 3.872.657.534đồng (trong đó: nợ gốc 2.200.000.000đồng; nợ lãi 1.672.657.534đồng), đồng thời phải trả lãi phát sinh tính tiếp sau ngày

xét xử (ngày 07/9/2024) cho đến khi ông T, bà H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Về án phí: Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị H trình bày:* Ông bà và bà Nguyễn Thị T không có quan hệ họ hàng gì. Do ông bà nhiều lần đến ngân hàng Agribank để giao dịch nên quen biết với bà T. Sau đó, bà T chủ động muốn góp vốn cùng ông bà để buôn gỗ. Quá trình làm việc do bà T đang công tác tại ngân hàng nên không thể đầu tư góp vốn làm ăn cùng ông bà được, đồng thời bà T yêu cầu ông bà viết giấy biên nhận vay tiền nên ông bà đồng ý. Mục đích ông bà vay tiền để đầu tư làm gỗ, đặt mua gỗ từ nước ngoài. Bà T có cho ông bà vay làm 03 lần đều bằng tiền mặt với tổng số tiền 2.200.000.000đồng là đúng, chính xác. Do là chỗ quen biết tin tưởng nhau nên ông bà không phải dùng bất cứ tài sản gì để đảm bảo cho khoản vay nợ, ông bà xác định đây là khoản vay dùng vào mục đích sử dụng chung của gia đình nên ông bà đều có trách nhiệm đối với các khoản vay, cụ thể bà T cho vợ chồng ông bà vay làm ba lần đều bằng tiền mặt: Lần thứ nhất vào ngày 01/4/2016 ông bà vay số tiền 1.000.000.000đồng; lần thứ hai vào ngày 10/5/2016 tiếp tục vay số tiền 700.000.000đồng; lần thứ ba vào ngày 19/01/2017 ông bà tiếp tục vay số tiền 500.000.000đồng. Cả 03 lần viết giấy biên nhận vay tiền đều diễn ra tại nhà bà T ở khu 17, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng chỉ có ông bà và bà T giao nhận tiền và viết giấy với nhau, ngoài ra không có ai khác chứng kiến. Các giấy biên nhận ông bà đều lập trên cơ sở tự nguyện, tinh thần minh mẫn tỉnh táo, không bị ai ép buộc. Nội dung trong giấy biên nhận hai bên thống nhất số tiền vay mà không ghi cụ thể thời hạn trả, không thể hiện lãi suất nhưng khi bà T cần tiền thì phải báo trước cho ông bà trước 07 ngày để ông bà thu xếp trả nợ. Lãi suất hai bên thống nhất với nhau bằng lời nói là 1.000đồng/1.000.000đồng/1 ngày và trả lãi hàng tháng. Quá trình vay nợ ông bà đã trả được tiền lãi 438.000.000đồng của khoản vay ngày 01/4/2016 và khoản vay ngày 10/5/2016 chứ không phải ông bà đã trả số tiền 150.000.000đồng như nguyên đơn trình bày, mỗi lần thanh toán trả lãi thì ông bà đều ký vào phần dưới giấy biên nhận là khổ giấy A4, giấy biên nhận bản gốc được lập thành một bản do bà T là người giữ. Giấy biên nhận mà bà T cung cấp giao nộp cho Tòa án đã bị cắt phần ông bà ký trả tiền lãi. Tuy nhiên ông bà không đưa ra tài liệu chứng cứ để chứng minh về việc ông bà đã trả số tiền lãi

438.000.000đồng cho nguyên đơn. Đối với khoản vay ngày 19/01/2017 thì ông bà thừa nhận đến nay chưa thanh toán bất cứ tiền nợ gốc, nợ lãi nào cho bà T. Khi đến hạn phải thanh toán ông bà không có khả năng thanh toán là do khách quan đem lại, hơn nữa do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid19 nên việc kinh doanh của ông bà gặp khó khăn về kinh tế dẫn đến việc ông bà vi phạm nghĩa vụ trả nợ bà T là có thật. Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông bà phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến ngày xét xử 06/9/2024 là 3.872.657.534đồng (trong đó: nợ gốc 2.200.000.000đồng, nợ lãi 1.672.657.534đồng) đồng thời phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày kế tiếp ngày xét xử 07/9/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ thì quan điểm của ông bà nhất trí trả số tiền nợ gốc 2.200.000.000đồng và đề nghị nguyên đơn tạo điều kiện cho ông bà về thời gian, phương thức thanh toán trả nợ dần tiền gốc theo hàng tháng, vì hiện nay kinh tế gặp khó khăn, không có khả năng trả ngay một lần cho nguyên đơn được. Đối với tiền lãi ông bà đề nghị nguyên đơn miễn toàn bộ lãi cho ông bà. Trường hợp nguyên đơn không nhất trí thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Tại biên bản lấy lời khai của ông Quách An Cư trình bày:* Ông là chồng của bà Nguyễn Thị T. Ông và ông Vũ Văn T bà Nguyễn Thị H không có quan hệ họ hàng gì. Ông không biết bà T với ông T bà H cho nhau vay tiền như thế nào. Nhiều lần vợ chồng bà H, ông T đến nhà ông chơi, ông nghĩ là chị em chơi với nhau nên ông không để ý. Sau nhiều lần bà T đòi nợ vợ chồng bà H, ông T phải có trách nhiệm trả số tiền đã vay nhưng vợ chồng bà H, ông T không trả thì bà T mới nói lại với ông là cho vợ chồng bà H, ông T vay làm 03 lần đều bằng tiền mặt với tổng số tiền 2.200.000.000đồng tại nhà của vợ chồng ông ở khu 17, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng nên ông mới nắm được sự việc này. Ông khẳng định nguồn gốc số tiền 2.200.000.000đồng mà bà T cho ông T bà H vay không phải là tài sản chung của vợ chồng ông, đây là nguồn tiền riêng của cá nhân bà T lao động tiết kiệm tích góp được trước khi lấy ông, số tiền này không liên quan đến ông và các con. Do vậy, ông đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tư cách tố tụng trong vụ án vì ông không liên quan đến vụ án.

**Tại phiên tòa:**

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải

quyết: Buộc bị đơn ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị H phải thanh toán ngay một lần tổng số nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử (06/9/2024) là 3.872.657.534đồng (trong đó: nợ gốc 2.200.000.000đồng; nợ lãi 1.672.657.534đồng), đồng thời ông T, bà H tiếp tục phải trả lãi phát sinh kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử (07/9/2024) cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Về lãi suất sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để tính lãi.

Bị đơn trình bày: Ông bà thừa nhận đến nay vẫn còn nợ tiền gốc của nguyên đơn số tiền 2.200.000.000đồng là đúng, chính xác. Đối với số tiền lãi mà nguyên đơn khởi kiện ông bà thì ông bà không đồng ý với cách tính lãi suất của nguyên đơn đưa ra 10%/năm. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 280; Điều 463; Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Buộc ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền gốc đã vay là 2.200.000.000đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm 06/9/2024 là 1.672.657.534đồng, ông T bà H phải tiếp tục trả lãi sau ngày xét xử đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T yêu cầu giải quyết về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, đây là tranh chấp dân sự. Bị đơn ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị H hiện cư trú tại thôn PA, xã CA, huyện CG, tỉnh HD. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án đảm bảo thời hiệu 03 năm theo quy định tại các Điều 149, Điều 429 của Bộ luật Dân sự.

[3]. Về nội dung:

3.1. Xét về giá trị pháp lý của các Giấy biên nhận được lập vào các ngày 01/4/2016, 10/5/2016 và 19/01/2017 giữa bà Nguyễn Thị T và ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị H: Các giấy biên nhận được thiết lập thành văn bản, có chữ ký, chữ viết của bên vay. Hai bên thiết lập giấy biên nhận trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, không trái pháp luật, đều có đủ năng lực hành vi dân sự phù hợp với quy định của pháp luật. Nội dung của ba giấy biên nhận ghi rõ số tiền vay. Bên cho vay đã bàn giao đầy đủ số tiền cho bên vay, bên vay đã nhận đủ số tiền vay nên các giấy biên nhận nêu trên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của những người tham gia ký. Mặc dù tiêu đề ghi Giấy biên nhận nhưng nội dung, hình thức đảm bảo theo quy định tại Điều 463; Điều 470 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xác định đây là Hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi suất.

3.2. Về số tiền nợ gốc và nghĩa vụ thanh toán: Căn cứ vào các Giấy biên nhận, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn đều xác định: ông T, bà H đã nhận đủ số tiền gốc vay làm ba lần với tổng số tiền là 2.200.000.000đồng. Ông bà đã sử dụng vốn làm ăn vào kinh tế gia đình. Trong giấy biên nhận hai bên không thỏa thuận về thời hạn thanh toán nhưng khi nào cần thì nguyên đơn phải báo trước 07 ngày. Tuy nhiên số tiền vay được bàn giao làm ba lần nên Hội đồng xét xử xác định thời hạn thanh toán tiền gốc được tính từng thời điểm đối với từng khoản vay mới đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Do vậy, yêu cầu khởi kiện về số tiền gốc 2.200.000.000đồng của bà T là có căn cứ cần được

chấp nhận. Buộc bà H, ông T phải có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho bà T số tiền gốc của 03 lần vay là 2.200.000.000đồng.

3.3. Xét chủ thể tham gia giao dịch: Bà T cho ông T, bà H vay tổng số tiền 2.200.000.000 đồng. Nguồn tiền là của cá nhân bà T, ông Cu (chồng bà T) không liên quan đến việc bà T cho ông T, bà H vay tiền. Số tiền trên là do bà T lao động tích cóp mà có trước khi lấy ông Cu, do đó ông Cu không có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gì đối với số tiền trên. Xác định khoản tiền vay giữa ông T, bà H và bà T là của riêng cá nhân bà T.

3.4. Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi: Nguyên đơn và bị đơn đều trình bày mặc dù trong các giấy biên nhận không thể hiện lãi suất nhưng hai bên đều thống nhất với nhau bằng lời nói về lãi suất. Nguyên đơn tính mức lãi suất 11%/năm (lãi suất Ngân hàng tại thời điểm cho vay theo năm có quy ra ngày là 01 năm bằng 365 ngày) là phù hợp với lãi suất của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm cho vay. Sau khi bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 150.000.000đồng thì nguyên đơn đã trừ vào tiền lãi khoản tiền vay ngày 01/4/2016 và khoản vay ngày 10/5/2016 thì phần lãi còn lại tính từ ngày 01/02/2017 đến khi thanh toán xong khoản nợ nguyên đơn tính lãi suất với bị đơn là 10%/năm. Bị đơn cho rằng nguyên đơn tính lãi như vậy là không phù hợp, bị đơn không nhất trí. Bị đơn đã trả được cho nguyên đơn số tiền lãi là 438.000.000đồng nhưng không có căn cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận. Do đương sự không thống nhất được với nhau về lãi suất. Hội đồng xét xử sẽ áp dụng lãi suất theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01//2019/NQ- HĐTP ngày 11/10/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao để tính lãi suất mới đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Như vậy lãi suất sẽ được tính với từng khoản vay tương ứng với từng thời gian xác lập giấy biên nhận vay, cụ thể: Đối với số tiền vay 1.000.000.000đồng (lãi suất/năm là 10%/năm, lãi suất/tháng là 0,833%/tháng, thời hạn vay từ ngày 01/02/2017 đến ngày 06/9/2024 là 2775 ngày, số tiền lãi là 760.273.973đồng); Đối với số tiền vay 700.000.000đồng (lãi suất/năm là 10%/năm, lãi suất/tháng là 0,833%/tháng, thời hạn vay từ ngày 10/02/2017 đến ngày 06/9/2024 là 2766 ngày, số tiền lãi là 530.465.753đồng); Đối với số tiền vay 500.000.000đồng (lãi suất/năm là 10%/năm, lãi suất/tháng là 0,833%/tháng, thời hạn vay từ ngày 19/01/2017 đến ngày 06/9/2024 là 2788 ngày, số tiền lãi là 381.917.808đồng). Tổng số lãi chưa thanh toán là 1.672.657.534đồng.

Xét đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự. Bên cho vay đã thực hiện nghĩa vụ giao tiền, bên vay phải có nghĩa vụ trả gốc và lãi khi đến hạn. Tại phiên tòa nguyên đơn tính lãi suất theo quy định của pháp luật sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, xét đề nghị trên của nguyên đơn là có căn cứ, tự nguyện. Do vậy, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn với mức lãi suất là 10%/năm là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 275; 280; 357; 463; 464; 465; 466; 468; 470 Bộ luật dân sự; khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 91; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Vũ Văn T phải có trách nhiệm thanh toán trả nợ gốc, lãi cho bà Nguyễn Thị T tạm tính đến ngày xét xử 06/9/2024 với tổng số tiền là **3.872.657.534đồng** (trong đó tiền nợ gốc là 2.200.000.000đồng; tiền nợ lãi 1.672.657.534đồng).

*Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.*

[2]. Về án phí: Buộc ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 109.453.150đồng.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị T số tiền 54.500.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0000247 ngày 24/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

[3]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.



*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Vân Hà**